

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/DSST

Ngày 18- 4- 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Tuấn
2. Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2024/TLST- DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST- DS ngày 10/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H).

Địa chỉ: B Bis N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Quốc T - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hữu T1 - chức vụ: Giám đốc chi nhánh L.

Đại diện theo ủy quyền của ông T1: ông Trần Vũ T2 – chức vụ: chuyên viên quan hệ KHCN. Địa chỉ: 112-114-116 N, khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm: 1980.(bà S vắng mặt)

2.2. Ông Nguyễn Thành Út B, sinh năm: 1973.(ông B vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 1 Ô P, Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Nhật D, sinh năm: 1997; Địa chỉ: ấp B xã N, huyện T, tỉnh Long An. (ông D xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2024 và trong quá trình tố tụng của vụ án, ông Trần Vũ T2 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H trình bày: Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H đã cho bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba vay tiền theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 19245/23MN/HĐTD ngày 31/7/2023 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 19245/23MN/HĐTD/KUNHN02 ngày 31/7/2024 với số tiền là 1.250.000.000 đồng và thẻ tín dụng 120.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú B ký với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 14676/23/MN/HĐBĐ ngày 31/7/2023 thế chấp tài sản là thửa đất số 2839 tờ bản đồ số 2 diện tích 125 m² loại đất ở tại nông thôn đất tọa lạc tại ấp A xã N, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 562990, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 07806 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh L cấp ngày 31/8/2022, cập nhật thay đổi ngày 27/9/2022. Bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 19245/23MN/HĐTD ngày 31/7/2023 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 19245/23MN/HĐTD/KUNHN02 ngày 31/7/2024 và thẻ tín dụng. Nhiều lần Ngân hàng đôn đốc nhắc nhở nhưng bà Bé S và ông Ú Ba không thực hiện.

Nay Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba thanh toán cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H số tiền 1.408.574.904 đồng, trong đó nợ gốc là 1.250.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 14/11/2024 lãi trong hạn 29.703.938 đồng, lãi quá hạn 180.624 đồng; nợ gốc thẻ tín dụng 120.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 14/11/2024 lãi quá hạn 8.690.342 đồng. Tổng cộng 1.408.574.904 đồng. Ngoài ra bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh đối với số tiền còn nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà bà B1 S và ông Ú B đã ký với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp tại ngân hàng, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cân trừ nghĩa vụ trả nợ của bà Bé S và ông Ú B đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của bà Bé S và ông Ú B tại ngân hàng thì bà Bé S và ông Ú Ba phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú B đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần thông báo về phiên hòa giải nhưng bà Bé S và ông Ú Ba không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát

triển thành phố H và cũng không tham gia hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhật D trình bày: ông D ký hợp đồng thuê nhà của bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba ngày 01/01/2025, thời hạn thuê là 02 năm, giá thuê là 20.000.000 đồng/năm. Ông D đã thanh toán tiền thuê nhà cho bà B1 S và ông Út B năm đầu là 20.000.000 đồng. Khi thuê nhà thì ông D không biết việc bà Bé S và ông Út B đang thế chấp tài sản cho ông D thuê để vay ngân hàng. Nếu khi nào cơ quan thi hành án bán được nhà thì ông D sẽ dọn đi trả nhà cho bà B1 S và ông Út B bán trả nợ ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa: Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ theo hợp đồng tín dụng và bảo lưu hợp đồng thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H đối với bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba là tranh chấp hợp đồng vay là tranh chấp dân sự theo Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba cư trú tại 1 Ô P, Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Út B đã được thông báo việc mở phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba phải trả cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H số tiền gốc là 1.250.000 đồng; và số tiền lãi tính đến ngày 18/4/2025 là 275.535.205 đồng, tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 18/4/2025 là 1.525.535.205 đồng; thế tín dụng 119.390.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 18/4/2025 là 25.973.735 đồng; tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 18/4/2025 là 145.363.735 đồng.

Mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên hòa giải nhưng bà Bé S và ông Ú Ba không đến tham gia phiên hòa giải, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo hợp đồng cho vay thì bà B1 S và ông Út B trả nợ theo phân kỳ hàng tháng gốc và lãi, từ khi giải ngân thì bà Bé S và ông Út B thanh toán đầy đủ nhưng đến ngày 02/10/2024 thì bà B1 S và ông Út B ngưng không thanh toán cho đến nay. Do bà Bé S và ông Út B vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 02/10/2024, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang

nợ quá hạn. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà B1 S và ông Út B vẫn không có thiện chí trả nợ. Đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Bé S và ông Út B trả nợ nhưng bà B1 S và ông Út B vẫn không trả nợ.

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 51/2024/QDST-HNGĐ ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thì bà B1 S và ông Út B thuận tình ly hôn, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba ký với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H hợp đồng tín dụng hạn mức số 19245/23MN/HĐTD ngày 31/7/2023 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 19245/23MN/HĐTD/KUNHN02 ngày 31/7/2024. Do đó, Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba trả nợ gốc và lãi phát sinh đối với hợp đồng tín dụng hạn mức số 19245/23MN/HĐTD ngày 31/7/2023 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 19245/23MN/HĐTD/KUNHN02 ngày 31/7/2024 là có căn cứ theo Điều 317, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 14676/23/MN/HĐBĐ ngày 31/7/2023 giữa Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H với bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba thế chấp tài sản là thửa đất số 2839 tờ bản đồ số 2 diện tích 125 m² loại đất ở tại nông thôn đất tọa lạc tại ấp A xã N, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 562990, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 07806 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh L cấp ngày 31/8/2022, cập nhật thay đổi ngày 27/9/2022. Trên đất có căn nhà cấp bốn được xây dựng hết đất nhưng chưa được cấp quyền sở hữu nên ngày 31/7/2023 giữa Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H với bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba ký cam kết thế chấp tài sản chưa hợp lệ. Tại Điều 4 của Hợp đồng thế chấp: “Bên B tự nguyện đem tài sản nói trên (kể cả khoản tiền bảo hiểm cho tài sản đó, nếu có) thế chấp cho bên A để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bên B tại các hợp đồng cấp tín dụng được ký giữa hai bên (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan, nếu có) trong đó số tiền gốc là 1.250.000.000 đồng”. Do đó, giữ nguyên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 14676/23/MN/HĐBĐ ngày 31/7/2023 và cam kết thế chấp tài sản chưa hợp lệ ngày 31/7/2023 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú B.

Ngày 15/8/2024 bà Nguyễn Thị Bé S ký đề nghị kiêm hợp đồng mở sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm-dịch vụ với số tiền 120.000.000 đồng. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 51/2024/QDST-HNGĐ ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thì bà B1 S và ông Út B thuận tình ly hôn, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên Tòa ông Trần Vũ T2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà B1 Sáu trả vốn và lãi đối với thẻ tín dụng, không yêu cầu ông Út B liên đới trả nợ vì khi ký hợp đồng mở thẻ cho cá nhân bà Bé S và chỉ cá nhân bà Bé S ký hợp đồng.

Do đó yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H cùng với bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Út B đã thỏa thuận mức lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H tiền nợ lãi của số tiền vốn vay 1.250.000.000 đồng tính đến ngày 18/4/2025 là 275.535.205 đồng như Ngân hàng đã yêu cầu. Bà Nguyễn Thị Bé S phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H tiền nợ lãi thẻ tín dụng là 119.395.000 đồng tính đến ngày 18/4/2025 là 25.973.735 đồng như Ngân hàng đã yêu cầu.

Đối với ông Nguyễn Nhật D là người đang thuê nhà, khi nào cơ quan thi hành án yêu cầu giao nhà thì ông D đồng ý giao nhà, ông D không có tranh chấp và không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tỉnh Long An là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về lệ phí thẩm định tại chỗ: do yêu cầu của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba phải chịu toàn bộ tiền lệ phí thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H đã ứng nộp 2.000.000 đồng nên bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H 2.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí đối với khoản tiền vốn vay 1.250.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị B1 Sáu chịu toàn bộ tiền án phí đối khoản tiền tiền nợ lãi thẻ tín dụng là 119.395.000 đồng theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 317, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H. Buộc bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H số tiền 1.525.535.205 đồng, trong đó nợ gốc là 1.250.000.000 đồng, nợ lãi là 275.535.205 đồng.

Số tiền gốc vay 1.250.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba phải trả lãi tiếp từ ngày 19/4/2025 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quá hạn ghi trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 19245/23MN/HĐTD ngày 31/7/2023.

Giữ nguyên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất số 14676/23/MN/HĐBĐ ngày 31/7/2023 và cam kết thế chấp tài sản chưa hợp lệ ngày 31/7/2023 giữa Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H với bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú B, tài sản thế chấp là thửa đất số 2839 tờ bản đồ số 2 diện tích 125 m² loại đất ở tại nông thôn đất tọa lạc tại ấp A xã N, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 562990, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 07806 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh L cấp ngày 31/8/2022, cập nhật thay đổi ngày 27/9/2022 cho đến khi trả nợ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H. Buộc bà Nguyễn Thị Bé S phải trả cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H số tiền thế tín dụng là 145.363.735 đồng, trong đó nợ gốc là 119.395.735 đồng, nợ lãi là 25.973.735 đồng.

Số tiền gốc vay 119.395.735 đồng bà Nguyễn Thị Bé S phải trả lãi tiếp từ ngày 19/4/2025 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quá hạn ghi trong đề nghị kèm hợp đồng mở sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm-dịch vụ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba không trả tiền, các bên không thỏa thuận được thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về lệ phí thẩm định tại chỗ: do yêu cầu của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba phải chịu toàn bộ tiền lệ phí thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H đã ứng nộp 2.000.000 đồng nên bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H 2.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú Ba phải liên đới chịu 57.766.000 đồng tiền án phí sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Bé S phải chịu 7.268.000 đồng tiền án phí sơ thẩm. Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H 17.129.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009338 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Án xử sơ thẩm công khai, Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị Bé S và ông Nguyễn Thành Ú B và ông Nguyễn Nhật D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện,tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ,án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy